

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2. Ông Phạm Hồng Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 476/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp PAB, xã PV, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh A, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PAB, xã PV, thị xã TC, tỉnh AG.

Chỗ ở hiện nay: Ấp LP, xã LKA, huyện HN, tỉnh ĐT, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Bích V trình bày: Năm 2008, chị V và anh A tự nguyện tìm hiểu, quen nhau, thống nhất tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKA, huyện HN, tỉnh ĐT. Sau khi kết hôn, chị V và anh A đi làm ở thành phố HCM và thuê nhà trọ sinh sống. Thời gian

đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, chị V và anh A phát sinh mâu thuẫn anh A hay ghen tuông nên chị V tự ý bỏ nhà trọ đi. Chị V và anh A sống xa nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Chị V và anh A không còn liên lạc, quan tâm nhau từ ngày sống xa nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị V yêu cầu ly hôn với anh A.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh A thống nhất có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Châu Th, sinh ngày 22/7/2013.

Chị V đồng ý giao con chung cho anh A nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng anh A khai: Thống nhất về điều kiện, thời gian, nơi đăng ký kết hôn như V trình bày. Sau khi kết hôn, anh A và chị V thuê trọ và đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 03/2020, do chị V bán hàng trên mạng, có nhiều người nhắn tin trên mạng nên anh A nghi ngờ chị V có quan hệ đồng tính với người phụ nữ. Tháng 4/2020, chị V tự ý bỏ nhà trọ đi, không nói với anh A. Anh A và chị V sống xa nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng có cãi nhau nhưng không đánh nhau, những lúc anh A nóng giận có hăm đánh chị V nhưng không đánh chị V. Kể từ ngày sống xa nhau, anh A nhiều lần gọi điện thoại cho chị V để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều bị chị V chặn cuộc gọi. Thỉnh thoảng chị V có gọi điện thoại cho anh A để hỏi thăm cháu Thanh, không có nói chuyện hàn gắn tình cảm gia đình với anh A. Hiện nay, anh A không còn ở thành phố HCM và về sinh sống tại ấp LP, xã LKA, huyện HN, tỉnh ĐT. Anh A còn thương chị V, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh A và V có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Châu Th, sinh ngày 22/7/2013. Hiện cháu Thanh đang sống và do anh A chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh A có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh A vắng mặt, chị V vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh tại Công an xã PV, thị xã TC; Biên bản lời khai em Nguyễn Văn Châu Th. Cụ thể:

Công an xã PV, thị xã TC cho biết: Anh A, sinh năm 1979, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp PAB, xã PV, thị xã TC, tỉnh AG nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

- Cháu Nguyễn Văn Châu Th khai, cháu là con ruột của cha A và mẹ Phạm Thị Bích V. Hiện, cháu đang sống chung với cha A tại ấp LP, xã LKA,

huyện HN, tỉnh ĐT. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha Ân.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, hôn nhân của chị V và anh A là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01 ngày 15/3/2009. Tháng 04/2020, chị V và anh A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và sống xa nhau cho đến nay. Chị V yêu cầu ly hôn với anh A. Anh A không đồng ý ly hôn với chị V. Xét thấy, cuộc sống tình cảm vợ chồng của anh A và chị V phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và sống xa nhau hơn 01 (một) năm nay. Thời gian sống xa nhau, chị V và anh A không hàn gắn tình cảm được. Chị V yêu cầu là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh A có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Châu Th, sinh năm 2013. Hiện, cháu Thanh đang sống và do anh A chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu Thanh có nguyện vọng sống với anh A.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích V được ly hôn anh A.

Về con chung: A được nuôi con chung tên Nguyễn Văn Châu Th. Chị V không phải cấp dưỡng cho nhau để nuôi con chung.

Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bích V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Bích V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh A. Anh A có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PAB, xã PV, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị Bích V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh A được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Bích V và anh A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKA, huyện HN, tỉnh DT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72, quyền số 01 ngày 15/5/2009, hôn nhân giữa chị V và anh A là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị V khai: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, chị V và anh A phát sinh mâu thuẫn anh A ghen nên chị V tự ý bỏ nhà trọ đi. Chị V và anh A sống xa nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Chị V và anh A không còn liên lạc, quan tâm nhau từ ngày sống xa nhau cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị V yêu cầu ly hôn với anh A.

Anh A khai: Khoảng tháng 03/2020, do chị V bán hàng trên mạng, có nhiều người nhắn tin trên mạng nên anh A hay nghi ngờ V có quan hệ đồng tính với người phụ nữ. Tháng 4/2020, chị V tự ý bỏ nhà trọ đi, không nói với anh A. Anh A và chị V sống xa nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng có cãi nhau nhưng không đánh nhau, những lúc anh A nóng giận có hăm đánh chị V nhưng không đánh chị V. Kể từ ngày sống xa nhau, anh A nhiều lần gọi điện thoại cho chị V để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều bị chị V chặn cuộc gọi. thỉnh thoảng chị V có gọi điện thoại cho anh A để hỏi thăm cháu Thanh, không có nói chuyện hàn gắn tình cảm gia đình với anh A. Anh A còn thương chị V, không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị V và anh A phát sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 3/2020 do

bất đồng quan điểm sống về tình cảm, anh A nghi ngờ chị V đồng tính, không tin tưởng chị V, chị V và anh A sống xa nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau hơn 01 (một) năm, chị V và anh A không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Chị V không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh A và kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Tình trạng vợ chồng chị V và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị V. Xét, cho chị V ly hôn với anh A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh A có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Châu Th, sinh năm 2013. Anh A yêu cầu được nuôi dạy cháu Thanh, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Chị V đồng ý giao con chung cho anh A nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu Thanh có nguyện vọng được sống với cha Ấn.

Xét, anh A yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn Châu Th, sinh ngày 22/7/2013, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và chị V đồng ý giao cháu Thanh cho anh A nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận.

Anh A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Phạm Thị Bích V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp. Anh A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích V.

Chị Phạm Thị Bích V được ly hôn với anh A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01 được Ủy ban nhân dân xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/5/2009 cho chị Phạm Thị Bích V và anh A không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Anh A được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn Châu Th, sinh ngày 22/7/2013. Chị Phạm Thị Bích V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Phạm Thị Bích V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Bích V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0006523 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị V đã nộp đủ án phí.

Anh A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị V và anh A là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương